

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 653/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Hữu Tâm - Bà Nguyễn Thị Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 tháng 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm: 1985;

HKTT: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;

Nơi cư trú: 186 đường tỉnh lộ 10, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông **Châu Thanh V**, sinh năm: 1983;

HKTT và nơi cư trú: A8/8 Ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2024, bản tự khai 31/01/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Châu Thanh V bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, do mai mối đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 24/11/2003. Thời gian đầu ông bà

chung sống với nhau rất hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến năm 2009 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông V thường xuyên chơi cờ bạc rồi gây ra nợ nần, không lo cho vợ con, đi làm không đưa tiền cho vợ lo cho gia đình mà đưa cho mẹ ruột ông V, thỉnh thoảng chỉ đưa bà vài trăm ngàn đồng. Năm 2021 ông bà mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, mẹ chồng đã đuổi bà ra khỏi nhà, ông V không ngăn cản mẹ ruột mà còn đồng ý gọi xe để bà và các con về mẹ ruột của bà để sinh sống. Bà và ông V sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn cuộc sống chung không còn ý nghĩa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông V có hai con chung là Châu Nguyễn Bích N, sinh năm 2004 (đã thành niên) và trẻ Châu Nguyễn Bảo N1, sinh này 15/02/2009. Hiện tại trẻ Bảo N1 đang sống cùng bà, sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Quá trình chung sống bà và ông V không có tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Châu Thanh V vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Châu Thanh V. Giao con chung là trẻ Châu Nguyễn Bảo N1, sinh này 15/02/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông V. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Thanh V. Theo xác minh của công an xã L, huyện B thể hiện ông V đang cư trú A8/8 Ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ông Châu Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Châu Thanh V chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 24/11/2003. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[5] Bà T xác nhận bà và ông V chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Theo Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết Ủy ban nhân dân xã L không rõ mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Châu Thanh V, bà T và ông V không còn chung sống, đã ly thân hơn một năm nay. Ông V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông V đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V.

[6] Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông V có 02 (một) con chung tên Châu Nguyễn Bích N, sinh năm 2004 (đã thành niên) và trẻ Châu Nguyễn Bảo N1, sinh này 15/02/2009. Hiện nay, trẻ Bảo N1 do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[8] Bà T có yêu cầu được nuôi trẻ Bảo N1. Ông V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nêu rõ yêu cầu của bà T, nhưng ông V không có văn bản nêu rõ ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T và ông cũng không đến Tòa án tham dự các buổi hòa giải, phiên tòa xét xử mà vắng mặt không có lý do. Hiện nay trẻ Bảo N1 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ Ngọc có nguyện vọng ở chung sống cùng bà T. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Bảo N1, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Bảo N1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,...”*. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

[10] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà T và ông V. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho trẻ Bảo N1 có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường, ông V phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà T, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông V.

[11] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận bà và ông V không có tài sản chung và nợ chung. Ông V vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa ông với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung giữa bà T và ông V trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[12] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh T đối với ông Châu Thanh V.

1.1. Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Châu Thanh V.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 161 quyển số 01 do Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 24/11/2003 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Châu Nguyễn Bích N, sinh năm 2004 (đã trưởng thành). Giao trẻ Châu Nguyễn Bảo N1, sinh này 15/02/2009 (giới tính: nữ) cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Châu Thanh V.

Ông V có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0033138 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã Đức Hòa Hạ, (1)
huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Các đương sự; (2)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đỗ Thị Duy Linh